

Hàm Yên, ngày 14 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 277/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Tô Thị C, sinh năm 1974;

- Bị đơn: Ông Hà Minh P, sinh năm 1970.

Cùng nơi cư trú: Thôn L, xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 11 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 11 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Tô Thị C và ông Hà Minh P.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 177/2002 do Ủy ban nhân dân xã Phù Lưu, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 28/7/2002 cho bà Tô Thị C và ông Hà Minh P không còn giá trị pháp lý).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Bà Tô Thị C và ông Hà Minh P cùng xác định vợ chồng có 02 người con chung là cháu Hà Minh T, sinh ngày 19/3/1995 và cháu Hà Minh T, sinh ngày 08/12/2003 nhưng hiện nay các con chung đều đã đủ 18 tuổi trưởng thành, sức khỏe phát triển bình thường và có khả năng tự lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

2.2. *Về tài sản chung*: Bà Tô Thị C và ông Hà Minh P cùng xác định, quá trình chung sống vợ chồng có một số tài sản chung nhưng tự thỏa thuận chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

2.3. *Về công nợ chung*: Bà Tô Thị C và ông Hà Minh P cùng xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

2.4. *Về án phí*:

+ Bà Tô Thị C phải chịu 75.000đ (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng bà C được miễn số tiền án phí ly hôn sơ thẩm trên do thuộc trường hợp là người dân tộc thiểu số (dân tộc Hoa) cư trú tại thôn L, xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang là địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật.

+ Ông Hà Minh P phải chịu 75.000đ (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- UBND xã Phù Lưu (Nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND huyện Hàm Yên.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đức Tùng